

NGHIÊN CỨU CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI KẾ TOÁN QUẢN TRỊ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÁC DOANH NGHIỆP ĐIỆN PHÍA BẮC VIỆT NAM BẰNG PHƯƠNG PHÁP ĐỊNH TÍNH

STUDY ON FACTORS AFFECTING MANAGEMENT ACCOUNTING TURNOVER, EXPENSES AND BUSINESS RESULTS IN NORTHERN VIETNAM ELECTRICITY ENTERPRISES BY QUALITATIVE METHOD

Trần Thị Nga*,
Đặng Thị Hồng Hà, Nguyễn Thu Hiền

TÓM TẮT

Kế toán quản trị doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh là một trong những nội dung quan trọng của kế toán quản trị trong doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp điện nói riêng. Nhóm tác giả đã thu thập số liệu của 47 đơn vị điện lực phía Bắc Việt Nam thông qua phương pháp định tính. Kết quả nghiên cứu cho thấy có nhóm 05 nhân tố ảnh hưởng đến kế toán quản trị doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp. Qua đó nhóm tác giả đưa ra các giải pháp khuyến nghị nhằm nâng cao việc xây dựng kế toán quản trị doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp điện.

Từ khóa: Kế toán quản trị doanh thu, chi phí; doanh nghiệp điện.

ABSTRACT

Accounting of revenue management, expenses and business results is one of the important contents of management accounting in enterprises in general and electricity enterprises in particular. The authors have collected data of 47 power units in Northern Vietnam through qualitative methods. The research results show that there are 05 factors affecting accounting of revenue management, expenses and business results in enterprises. Thereby, the authors provide recommended solutions to improve the accounting of revenue management, costs and business results in electricity enterprises.

Keywords: Accounting of revenue and expense management; electric enterprise.

Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

*Email: khanhnga87@gmail.com

Ngày nhận bài: 15/02/2020

Ngày nhận bài sửa sau phản biện: 15/6/2020

Ngày chấp nhận đăng: 18/8/2020

1. GIỚI THIỆU

Mọi tổ chức đều có hệ thống kế toán quản trị (KTQT) riêng và bị ảnh hưởng bởi các yếu tố bên trong và yếu tố bên ngoài có thể thay đổi trong công nghệ hoặc thay đổi cơ sở hạ tầng [2]. Có rất nhiều các nghiên cứu trong và

ngoài nước khi nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng đến kế toán quản trị trong doanh nghiệp (DN) cụ thể:

Theo [10], yếu tố bên trong và yếu tố bên ngoài tác động đến việc thực hiện KTQT trong các DN sản xuất cụ thể là nhóm 03 nhân tố: (1) Môi trường làm việc, (2) Công nghệ sản xuất, (3) Cơ cấu tổ chức. Nghiên cứu đã tiến hành khảo sát ở Estonia đại diện cho các lĩnh vực khác nhau như: Các ngành sản xuất, cung cấp năng lượng, công nghiệp gỗ, công nghiệp thực phẩm (bao gồm sữa, thịt, cá, sản phẩm thuốc lá và đồ uống), hóa chất, kim loại, công nghiệp dệt may... Trong đó, các ngành công nghiệp chủ yếu là công nghiệp thực phẩm đại diện bởi 15 công ty, dệt may công nghiệp 10 công ty, công nghiệp gỗ 8 công ty và một số lượng nhỏ hơn đại diện các ngành khác. Kết quả nghiên cứu cho thấy nhân tố môi trường làm việc có tác động lớn đến thực hiện KTQT trong doanh nghiệp sản xuất. Tuy nhiên điểm hạn chế của nghiên cứu là mẫu khảo sát chưa đủ lớn nên chưa khái quát được tất cả các công ty sản xuất tại Estonia.

Theo [1] có nhóm 07 nhân tố tác động đến vận dụng thực tiễn KTQT trong các DN thuộc ngành công nghiệp thực phẩm tại Vương Quốc Anh. Với kích thước lớn của mẫu và vị trí hiểu biết của người được trả lời, nghiên cứu đã khảo sát tại 48 công ty và 245 câu hỏi hoàn thành sử dụng được trong nghiên cứu. Nghiên cứu đã kiểm định thành công và đưa ra nhóm các nhân tố tác động đến vận dụng thực tiễn KTQT tại Anh là: (1) Nhận thức về môi trường, (2) Quy mô doanh nghiệp, (3) Khách hàng, (4) Thiết kế tổ chức phân quyền, (5) Kỹ thuật sản xuất, (6) Quản trị chất lượng toàn diện, (7) Quản trị JIT.

Theo [17], có nhóm 05 nhân tố ảnh hưởng đến việc áp dụng thực hành kế toán quản trị trong các tổ chức kinh doanh tại Sri Lanka. Bằng việc sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính kết hợp với phương pháp nghiên cứu định lượng, sử dụng công cụ SPSS, nghiên cứu đã khảo sát tại 22

công ty và sử dụng bảng hỏi theo thang đo Likert để thu thập dữ liệu. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng mức độ áp dụng KTQT tại các doanh nghiệp ở Sri Lanka là rất thấp. Nguyên nhân là do ảnh hưởng nhóm gồm 05 nhân tố là: (1) Nhận thức của nhà quản trị, (2) Tâm quan trọng của kế toán tài chính, (3) Lập kế hoạch và kiểm soát theo phương pháp truyền thống, (4) Hỗ trợ từ văn hóa trong DN, (5) Sự biến động thị trường. Qua đó nghiên cứu chỉ ra các công ty cần phải có hành động cần thiết để cải thiện trong việc sử dụng kế toán quản trị cho các quyết định kinh doanh và trong các lĩnh vực về chiến lược kinh doanh, lập kế hoạch - kiểm soát, ra quyết định, sử dụng nguồn lực hiệu quả, cải thiện hiệu suất nâng cao giá trị hiệu quả và chú trọng kiểm soát nội bộ.

Theo [7] có nhóm 03 nhân tố là: (1) Văn hóa doanh nghiệp, (2) Đặc điểm tổ chức, (3) Môi trường bên ngoài ảnh hưởng đến việc vận dụng KTQT trong các DN sản xuất ở Thổ Nhĩ Kỳ. Nghiên cứu đã tiến hành khảo sát tại 84 công ty thuộc lĩnh vực sản xuất ở Thổ Nhĩ Kỳ thông qua các bảng hỏi. Kết quả nghiên cứu đã kiểm định thành công chỉ ra rằng có 02 nhân tố tác động tích cực đến việc vận dụng KTQT là: Văn hóa DN và đặc điểm tổ chức.

Theo [11], bằng việc sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính, nghiên cứu chỉ ra nhóm 03 nhân tố ảnh hưởng đến tổ chức xây dựng KTQT chi phí trong DN sản xuất ở Việt Nam đó là: (1) Mục tiêu, chiến lược của DN và nhu cầu thông tin kế toán quản trị chi phí từ phía nhà quản trị doanh nghiệp, (2) Đặc điểm tổ chức sản xuất, (3) Trình độ trang bị máy móc thiết bị và trình độ nhân viên thực hiện công tác kế toán. Nghiên cứu cho rằng: Mục tiêu, chiến lược sẽ áp đặt việc thích nghi và xác định cấu trúc của DN đạt được mục đích. Bên cạnh đó, trong việc xây dựng và sử dụng chiến lược của công ty, nguồn thông tin do kế toán chi phí cung cấp là rất quan trọng. Tuy nhiên, nhu cầu thông tin này từ phía nhà quản trị lại chưa rõ ràng đây chính là nguyên nhân ảnh hưởng tổ chức xây dựng hệ thống thông tin KTQT chi phí; Đối với đặc điểm tổ chức sản xuất nghiên cứu chỉ ra đây là nhân tố quan trọng, quá trình xử lý thông tin của KTQT chi phí với các bộ phận quản lý, bộ phận kế toán, bộ phận sản xuất... là thật cần thiết trong việc thiết lập thông tin tài chính và phi tài chính; Cuối cùng là đối với DN sản xuất ở Việt Nam là DN vừa và nhỏ, các nguồn lực về cơ sở vật chất hạn chế, trình độ kiến thức và kỹ năng làm việc của nhân viên kế toán cần có sự am hiểu nên nhân tố này sẽ tác động đến tổ chức hệ thống thông tin kế toán.

Theo [9] có nhóm 04 nhân tố ảnh hưởng đến KTQT chi phí trong DN sản xuất bao gồm: (1) Nhân tố ngành nghề kinh doanh, (2) Nhân tố cấu trúc mặt hàng, (3) Nhân tố kỹ thuật, (4) Nhân tố tổ chức quản lý. Với quy mô mẫu 79 DN với 232 phiếu điều tra, sử dụng công cụ SPSS 18.0 nghiên cứu đã đi phân tích và kiểm định các giả thuyết nghiên cứu. Nghiên cứu đã chỉ ra hệ thống KTQT chi phí chưa đáp ứng được nhu cầu nhà quản trị. Sự yếu kém của hệ thống dự toán dẫn đến những hạn chế trong việc cung cấp thông tin phục vụ quản trị DN đó là sự không đầy đủ, thiếu đồng bộ, và chưa liên kết với các chỉ tiêu đánh giá kết quả thực hiện

của các bộ phận, cũng như đánh giá trách nhiệm của nhà quản trị trong việc kiểm soát chi phí. Nguyên nhân dẫn đến hạn chế này nằm ở các khâu từ xây dựng định mức, lập dự toán chi phí, tính chi phí cho đối tượng chịu phí, báo cáo thông tin chi phí thực hiện, phân tích thông tin chi phí phục vụ cho ra quyết định. Hạn chế của nghiên cứu là chưa xây dựng được phương trình hồi quy để đo lường các nhân tố ảnh hưởng đến nhu cầu thông tin chi phí trong từng nhóm DN sản xuất thép ở Việt Nam. Nghiên cứu chưa chỉ ra được nhân tố nào quan trọng, nhân tố nào thứ yếu tác động đến nhu cầu của nhà quản trị.

Theo [20] có nhóm 06 nhân tố ảnh hưởng đến việc vận dụng KTQT trong DN bao gồm: (1) Nhận thức nhà quản lý về tính hữu ích của thông tin KTQT, (2) Lượng thông tin kế toán tài chính cung cấp, (3) Quy mô doanh nghiệp, (4) Sự hiểu biết nhân viên kế toán về KTQT, (5) Sự sẵn sàng của công nghệ thông tin, (6) Các yếu tố hỗ trợ như công cụ tư vấn, hội thảo trao đổi về ứng dụng trong DN. Để đảm bảo kích thước mẫu nghiên cứu, nhóm nghiên cứu tiến hành gửi phiếu điều tra tới 100 DN thu về 72 bảng trả lời hợp lý. Các dữ liệu được nhóm nghiên cứu thu thập và làm sạch bằng phần mềm SPSS 16.0. Kết quả nghiên cứu của nhóm đã chỉ ra mức độ vận dụng KTQT trong các DN sản xuất ở Việt Nam là rất thấp, các DN không vận dụng KTQT một cách chủ động mà chỉ xây dựng một số bảng biểu theo yêu cầu của nhà quản trị. Bên cạnh đó, hầu hết các công ty đã không vận dụng các kỹ thuật KTQT hiện đại, mà chỉ tập trung sử dụng các công cụ của KTQT mang tính rất truyền thống. Nghiên cứu chỉ ra có 2 nhân tố ảnh hưởng quan trọng đến mức độ vận dụng KTQT trong DN. Đó là: Hiểu biết của nhân viên kế toán về KTQT và nhận thức của nhà quản lý về tính hữu ích của thông tin KTQT. Từ đó, nghiên cứu đưa ra đề xuất ý kiến nhằm nâng cao khả năng vận dụng KTQT trong DN sản xuất.

Theo [3] thì hệ thống kế toán đóng một vai trò quan trọng trong cơ cấu tổ chức công ty, các yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến cơ cấu tổ chức. Nghiên cứu đã sử dụng phân tích định lượng, dữ liệu được xử lý trên phần mềm SPSS 19.0, thu thập dữ liệu thông qua 189 bảng câu hỏi bằng cách liên hệ trực tiếp hoặc qua email, trong đó thu về được 72 bảng câu hỏi hoàn thành và chiếm tỷ lệ 38,09%. Dựa vào các nghiên cứu trước đây, nhóm nghiên cứu đưa ra các nhân tố và tiến hành kiểm định thành công các nhân tố ảnh hưởng đến việc vận dụng KTQT tại các công ty Tunisian. Bao gồm nhóm 05 nhân tố bên trong: (1) Chiến lược, (2) Kết cấu, (3) Kích thước, (4) Hoạt động ngành, (5) Loại hình công ty và nhóm 02 nhân tố bên ngoài: (1) Sự không chắc chắn về môi trường, (2) Thị trường cạnh tranh.

Theo nghiên [12] có nhóm 08 các nhân tố tác động đến việc vận dụng KTQT trong các DN nhỏ và vừa ở Việt Nam bao gồm: (1) Quy mô DN, (2) Chi phí tổ chức KTQT, (3) Văn hóa DN, (4) Trình độ nhân viên KTQT, (5) Chiến lược kinh doanh DN, (6) Mức độ sở hữu của nhà nước, (7) Mức độ cạnh tranh thị trường, (8) Nhận thức KTQT của chủ DN. Thông qua việc tiến hành phát phiếu khảo sát và thu về được 290 phiếu đạt yêu cầu, cùng với việc sử dụng phương

pháp định lượng. Kết quả nghiên cứu chỉ ra 07 nhân tố đáp ứng độ tin cậy của thang đo Likert, các nhân tố này đều có quan hệ thuận chiều đến biến phụ thuộc, riêng nhân tố trình độ nhân viên KTQT không có tác động làm tăng tính khả thi khi vận dụng KTQT trong DN nhỏ và vừa tại Việt Nam. Điểm hạn chế của nghiên cứu là kết quả của quá trình nghiên cứu mới chỉ đạt 34,8% biến quan sát, còn tỷ lệ 65,2% các nhân tố tác động chưa được phát hiện.

Theo [16], nhóm nghiên cứu đi tiến hành thu thập tài liệu từ 200 công ty khác nhau ở Pakistan, sử dụng phương pháp định lượng, làm sạch dữ liệu thông qua phần mềm SPSS 21.0, nhóm nghiên cứu đưa ra và tiến hành kiểm định 7 giả thuyết có quan hệ thuận chiều của các biến độc lập với biến phụ thuộc cụ thể là sự ảnh hưởng của các nhân tố tới việc vận dụng KTQT tại các DN khác nhau ở Pakistan. Kết quả của quá trình kiểm định thành công nhóm nghiên cứu đưa ra có 05 nhân tố bên trong: (1) Chiến lược cạnh tranh, (2) Cơ cấu tổ chức, (3) Công nghệ sản xuất tiên tiến, (4) Quản lý chất lượng toàn diện, (5) Quản trị JIT và nhóm 02 nhân tố bên ngoài: (1) Sự không chắc chắn về môi trường, (2) Thị trường cạnh tranh ảnh hưởng đến việc vận dụng KTQT tại Pakistan. Nghiên cứu này đã mang lại lợi ích cho các nhà quản lý đang làm việc trong các lĩnh vực khác nhau để tối đa hóa lợi nhuận.

Theo [6], bằng việc sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng, dữ liệu được mã hóa, nhập liệu và xử lý thông qua phần mềm SPSS 18.0. Nghiên cứu chỉ ra nhóm 04 nhân tố ảnh hưởng đến mức độ vận dụng KTQT trong DN nhỏ và vừa ở Đà Nẵng là: (1) Cạnh tranh, (2) Phân cấp quản lý, (3) Trình độ của các đối tượng liên quan đến hoạt động KTQT, (4) Ứng dụng công nghệ thông tin trong điều hành quản lý. Kết quả nghiên cứu chỉ ra các nhân tố đều có quan hệ thuận chiều đến mức độ vận dụng KTQT trong DN nhỏ và vừa. Từ đó giúp các nhà quản trị nhận thức được các nhân tố tác động đến mức độ vận dụng KTQT trong DN, từ đó giúp nhà quản trị DN có những định hướng tốt hơn trong việc điều tiết các nhân tố để việc áp dụng KTQT trong DN ngày càng nhiều hơn.

Theo [8] có nhóm 05 nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng tổ chức công tác kế toán tại DN là: (1) Đặc điểm ngành, (2) Hướng dẫn có tính pháp lý, (3) Trình độ chuyên môn nhân viên kế toán, (4) Quan tâm đến công tác kế toán của chủ DN, (5) Phương tiện, cơ sở vật chất tổ chức kế toán. Nghiên cứu sơ bộ bằng phương pháp định tính kết hợp với phương pháp định lượng; sử dụng giả thuyết các nhân tố đều có quan hệ thuận chiều và nghịch chiều đến biến phụ thuộc, cùng với 05 nhân tố được đo lường bởi 28 biến quan sát. Kết quả nghiên cứu chỉ ra có 04 nhân tố có quan hệ thuận chiều, riêng nhân tố đặc điểm ngành có quan hệ nghịch chiều đến chất lượng công tác kế toán tại DN, trong đó nhân tố pháp lý ảnh hưởng mạnh nhất, nhân tố nhân viên kế toán ảnh hưởng thứ yếu đến biến phụ thuộc. Từ đó nghiên cứu đưa ra các giải pháp cho các công ty tư vấn thiết kế.

Theo [15], tác giả tiến hành lấy mẫu khảo sát gồm 78 DN trong đó có 16 doanh nghiệp lớn và 62 doanh nghiệp nhỏ và

vừa cũng trong mẫu này có 15 doanh nghiệp sản xuất gia công hàng xuất khẩu và 63 doanh nghiệp vừa sản xuất gia công, vừa mua bán hàng hóa xuất khẩu. Nghiên cứu đã sử dụng công cụ phân tích SPSS và thống kê so sánh. Nghiên cứu đã kiểm định thành công và chỉ ra các nhân tố ảnh hưởng đến tổ chức KTQT chi phí trong các DN kinh doanh xuất nhập khẩu. Từ đó nghiên cứu đưa ra những kết luận như sau: (1) Các nhà quản trị và đội ngũ những người làm công tác chuyên môn về tài chính kế toán và quản trị kinh doanh trong DN xuất nhập khẩu có trình độ đào tạo càng cao thì khả năng áp dụng KTQT chi phí trong DN càng cao và ngược lại; (2) Các nhà quản trị và đội ngũ những người làm công tác chuyên môn về tài chính kế toán và quản trị kinh doanh trong DN xuất nhập khẩu có sự hiểu biết về KTQT chi phí càng cao thì khả năng áp dụng KTQT chi phí trong DN càng cao và ngược lại; (3) DN xuất nhập khẩu có doanh thu bình quân trong năm càng cao thì khả năng áp dụng KTQT chi phí trong DN càng cao và ngược lại, (4) DN xuất nhập khẩu có tổng tài sản bình quân trong năm càng cao thì khả năng áp dụng KTQT chi phí trong DN càng cao và ngược lại.

Từ các nghiên cứu trong và ngoài nước, nhóm tác giả nhận thấy hầu hết các nghiên cứu đều kiểm định thành công sự ảnh hưởng của các nhân tố bên trong và nhân tố bên ngoài DN. Các nghiên cứu đều có những nhân tố chung ảnh hưởng đến vận dụng KTQT trong DN như là nhân tố về quy mô, trình độ kế toán viên quản trị, trình độ nhà quản lý, sự cạnh tranh và các yếu tố hỗ trợ cho việc vận dụng KTQT vào DN. Vì thế, nhóm tác giả đồng quan điểm với các nhận định trên, trên cơ sở tiếp thu ý kiến, nhóm tác giả đưa ra một số nhân tố ảnh hưởng đến KTQT trong DN nói chung và ảnh hưởng đến KTQT doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong DN nói riêng đã được kiểm định bằng phương pháp định tính và phương pháp định lượng của các nhà nghiên cứu trước đây.

2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT

Mô hình nghiên cứu sử dụng lý thuyết dự phòng kết hợp với lý thuyết đại diện, lý thuyết quan hệ lợi ích - chi phí, lý thuyết thể chế để vận dụng trong nghiên cứu của nhóm tác giả.

Lý thuyết dự phòng (Contingency Theory) có ảnh hưởng đáng kể tới nghiên cứu KTQT, vì nó đã thống trị kế toán hành vi từ năm 1975. Trong nghiên cứu về KTQT của Otley đã chỉ ra rằng không có hệ thống KTQT nhất định nào để áp dụng như nhau vào tất cả các tổ chức với các điều kiện khác nhau. Thay vào đó, việc áp dụng KTQT sẽ phụ thuộc vào quy mô của doanh nghiệp. Ngoài ra, theo [25] cho thấy cạnh tranh không ảnh hưởng tới việc tổ chức KTQT tại DN. Nhưng ngược lại trong các nghiên cứu [23, 24] lại cho rằng nếu DN có mức độ cạnh tranh càng cao thì DN càng có xu hướng vận dụng nhiều công cụ KTQT trong quản lý.

Như vậy, có thể thấy nhân tố cạnh tranh có tác động tới KTQT nói chung trong DN như thế nào khi mà những kết quả nghiên cứu thực nghiệm không giống nhau.

Lý thuyết tâm lý (Psychological theory) tập trung vào yếu tố con người, xuất hiện đầu tiên ở Mỹ vào thập niên 30, tới

thập niên 60 phát triển mạnh mẽ bởi các nhà tâm lý học và cho tới tận ngày nay vẫn được nghiên cứu phát triển để tìm hiểu về tâm lý phức tạp của con người.

Mặc dù Robert Owen (1771-1858) là người đầu tiên nhắc tới nhân lực trong một tổ chức, nhưng Mary Parker Follett (1863-1933) mới là người đi tiên phong trong nghiên cứu về tâm lý quản trị. Theo tác giả này, giữa nhà quản trị và người lao động có mối quan hệ mật thiết trong quá trình làm việc. Nhận thức, hành vi của con người, đặc biệt của người quản trị trong mối quan hệ này có tác động rất lớn tới hiệu quả của quản trị. Birnberg và cộng sự đã nghiên cứu lý thuyết tâm lý khi áp dụng KTQT thể hiện qua mối quan hệ giữa hành vi cá nhân và KTQT trong quá trình lập ngân sách, kiểm soát và ra quyết định [21]. Mock và cộng sự đã đánh giá sự phản hồi tương tác của KTQT với nhận thức và phong cách cá nhân để gây ảnh hưởng đến các quyết định điều hành [22].

Như vậy, có thể thấy nhân tố về trình độ nhận thức của nhà quản trị có tác động rất lớn đến việc kế toán quản trị nói chung trong DN.

Lý thuyết quan hệ lợi ích - chi phí (Cost benefit theory). Mục tiêu cuối cùng của các tổ chức kinh doanh là đạt được lợi nhuận tối đa, tuy nhiên đặc điểm kinh doanh của mỗi tổ chức là khác nhau do vậy yêu cầu về tổ chức hệ thống KTQT cũng khác nhau. Và chi phí các tổ chức phải bỏ ra để thực hiện tổ chức công tác KTQT phải phù hợp với lợi ích mà nó mang lại cho tổ chức. Chi phí đầu tư cho việc vận dụng KTQT phụ thuộc vào nhiều nhân tố như quy mô DN, sự nhận thức tầm quan trọng của KTQT đối với DN, sự nhận thức tầm quan trọng của KTQT với DN của nhà quản lý, hay sự đòi hỏi về trình độ đội ngũ nhân viên.

Như vậy, nhân tố về quy mô, sự nhận thức của nhà quản trị và nhân viên quản trị có ảnh hưởng đến việc KTQT trong DN.

Lý thuyết thể chế (Institutional theory) đề cập tới vai trò của các cơ quan chính phủ, các tổ chức nghề nghiệp và xã hội tác động tới hành vi ứng xử của DN thông qua việc thực hiện những quy tắc, quy định, chính sách, pháp luật. Vai trò của các thể chế thể hiện ở chỗ chúng tạo nên một khuôn khổ mà ở đó hành động của các chủ thể trở nên dễ đoán trước hơn, cho phép các chủ thể thiết lập các kỳ vọng và giảm thiểu rủi ro trong quá trình tương tác với nhau. Như vậy, một hệ thống văn bản pháp luật thống nhất, rõ ràng, minh bạch sẽ tạo điều kiện dễ dàng, thuận lợi cho các DN vận dụng trong quá trình hoạt động.

Như vậy, các yếu tố hỗ trợ có ảnh hưởng không nhỏ tới việc áp dụng KTQT nói chung và KTQT doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh nói riêng trong DN. Các yếu tố hỗ trợ từ phía cơ quan chức năng, cơ sở giáo dục và từ phía các DN.

3. DỮ LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nhóm tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính và đi thiết kế nghiên cứu định tính như sau:

Về xác định thông tin thứ cấp và nguồn gốc thông tin:

Nhóm tác giả đã nghiên cứu một số công trình khoa học có liên quan, được công bố trên các phương tiện như

web, tạp chí ở cả trong nước và ngoài nước nhằm thu thập các kết quả nghiên cứu từ đó làm cơ sở cho việc thiết kế bảng hỏi phỏng vấn.

Về phương pháp chọn đối tượng nghiên cứu:

Nhóm tác giả lựa chọn các đối tượng để tiến hành khảo sát và phỏng vấn sâu là nhà quản trị doanh nghiệp: Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và nhân viên kế toán trong DN điện nhằm thu thập thông tin theo mục tiêu nghiên cứu.

Về thiết kế bảng câu hỏi định tính:

Nghiên cứu này được dựa trên các dữ liệu định tính được thu thập bởi các phương tiện trả lời cho các câu hỏi và các quan điểm và ý kiến. Bảng câu hỏi đã được gửi đến nhà quản trị và nhân viên KTQT nhằm tìm hiểu về: Quy mô DN, trình độ nhận thức của nhà quản lý, của nhân viên KTQT, môi trường cạnh tranh và yếu tố hỗ trợ...

Về phương pháp thực hiện:

Nghiên cứu thực hiện khảo sát ý kiến DN thông qua phiếu khảo sát trực tiếp. Các phiếu khảo sát được gửi qua hòm thư mail điện tử cho 58 đơn vị điện lực. Thời gian thu thập dữ liệu năm 2019.

Về phương pháp phân tích dữ liệu: Nghiên cứu sử dụng phân tích thống kê mô tả, dưới dạng hỗ trợ của Excel, nhằm phân tích nội dung liên quan đến đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến công tác KTQT doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh. Kết quả khảo sát nhóm tác giả thu về được 47/58 phiếu khảo sát.

Về giả thuyết và mô hình nghiên cứu: Từ các nghiên cứu trên nhóm tác giả đưa ra giả thuyết một số nhân tố ảnh hưởng đến vận dụng kế toán trong DN đã được kiểm định bằng phương pháp định tính và phương pháp định lượng qua các nghiên cứu trong và ngoài nước trước đây.

Giả thuyết nghiên cứu:

Nhân tố quy mô DN tác động đến KTQT doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh;

Nhân tố trình độ nhận thức và quản lý của nhà quản trị DN ảnh hưởng đến KTQT doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh;

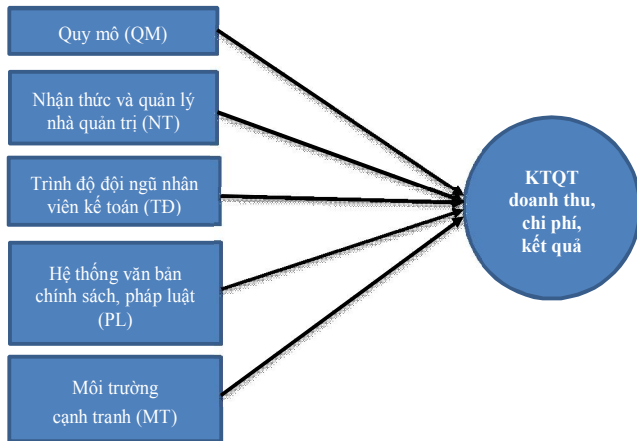
Nhân tố trình độ đội ngũ nhân viên KTQT ảnh hưởng đến KTQT doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh;

Nhân tố hệ thống văn bản về chính sách, pháp luật của từng quốc gia tác động đến KTQT doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh;

Nhân tố môi trường cạnh tranh tác động đến KTQT doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh.

Mô hình nghiên cứu (hình 1):

Cơ sở lý luận trên cho thấy có nhiều biến độc lập ảnh hưởng đến vận dụng KTQT trong DN. Tuy nhiên, nhóm tác giả chỉ nghiên cứu các biến độc lập sau: "Quy mô DN", "Trình độ nhận thức và quản lý của nhà quản trị DN", "Trình độ đội ngũ nhân viên KTQT", "Hệ thống văn bản về chính sách, pháp luật" và "Môi trường cạnh tranh".



Hình 1. Mô hình nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến KTQT doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong DN Điện phía Bắc Việt Nam

Nhân tố bên trong:

(1) Nhân tố quy mô DN, (2) Nhân tố trình độ nhận thức và quản lý của nhà quản trị DN, (3) Nhân tố trình độ đội ngũ nhân viên KTQT.

- Nhân tố quy mô DN:

Nhân tố quy mô DN là một trong những nhân tố quan trọng ảnh hưởng tới cấu trúc tổ chức của DN [1]. DN nào có quy mô càng lớn thì quy trình của DN đó càng chuẩn hóa [5]. Trên thực tế, đối với mỗi DN có quy mô, ngành nghề kinh doanh khác nhau thì DN đó có tổ chức, quản lý và yêu cầu đối với quy mô với các DN đó là khác nhau. Quy mô DN càng lớn thì đội ngũ bộ máy KTQT càng tăng và ngược lại. Với DN thương mại thì KTQT doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh sẽ chú trọng đến việc xác định giá bán, dự toán sản lượng tiêu thụ, dự toán chất lượng sản phẩm, chi phí liên quan quá trình mua hàng, tiết kiệm chi phí trong quá trình hoạt động kinh doanh để kết quả hoạt động được tốt nhất. Nếu là DN sản xuất, KTQT doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh cần chú trọng đến các khoản mục như chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm, định mức chi phí...

Giả thuyết 1: Nhân tố quy mô DN có tác động thuận chiều đến KTQT doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong DN.

- Nhân tố trình độ nhận thức và quản lý của nhà quản trị DN:

Nhận thức của các nhà quản lý về tính hữu ích của kế toán quản trị thông tin có tác động tích cực. Đây là nhân tố quan trọng và quyết định nhất đến việc thực hiện KTQT trong công ty sản xuất [20]. Chủ DN càng quan tâm đến công tác tổ chức kế toán thì chất lượng tổ chức công tác kế toán tăng [8]. Điều đó có nghĩa trong DN nếu nhà quản trị tin vào hệ thống KTQT thì sẽ có được thông tin hữu ích để đưa ra quyết định kinh doanh.

Như vậy, việc xây dựng nội dung về KTQT trong DN có ý nghĩa quan trọng trong việc cung cấp thông tin hữu ích cho nhà quản trị về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh một cách kịp thời và nhanh chóng. Chính vì thế, đối với nhà quản lý trong bất kỳ DN nào có trình độ, chuyên môn cao thì sẽ có được những thông tin chất lượng cao.

Trên thực tế cho thấy đối với nhà quản trị có tầm nhìn, có chiến lược rõ ràng, trình độ năng lực cao thì họ yêu cầu thông tin về KTQT nói chung và KTQT doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh nói riêng một cách khoa học, chính xác và kịp thời. Điều này giúp cho nhà quản trị luôn quyết đoán và giải quyết vấn đề một cách chính xác.

Giả thuyết 2: Nhân tố trình độ nhận thức và quản lý của nhà quản trị DN có tác động thuận chiều đến KTQT doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong DN.

- Nhân tố trình độ đội ngũ nhân viên KTQT:

Sự hiểu biết của nhân viên về KTQT là một trong những nhân tố ảnh hưởng quan trọng đến mức độ vận dụng KTQT trong DN [12, 20]. Trình độ nhân viên kế toán càng cao dẫn đến khả năng thành công cao khi vận dụng KTQT trong DN [12]. Trình độ kế toán tăng thì chất lượng công tác tổ chức kế toán tăng [8]. Trình độ kiến thức và kỹ năng làm việc của nhân viên KTQT có tác động không nhỏ đến chất lượng của hệ thống thông tin KTQT chi phí. Yêu cầu của đội ngũ này phải am hiểu sâu sắc về quá trình xây dựng hoạt động sản xuất kinh doanh của DN, có khả năng sáng tạo, linh hoạt, có khả năng làm việc nhóm và phối hợp với các nhân viên ở các bộ phận chức năng khác trong doanh nghiệp [11]. Nếu nhân viên kế toán trong DN có trình độ cao thì việc sử dụng các công cụ KTQT sẽ không gặp nhiều khó khăn, do đó việc vận dụng công cụ này để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của DN sẽ càng nhiều [6].

Như vậy, nhân viên KTQT cần thu thập các thông tin hữu ích giúp nhà quản trị trong DN. Để nhà quản trị có được thông tin hữu ích chất lượng cao thì đòi hỏi đội ngũ nhân viên KTQT nói chung và KTQT doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh nói riêng có trình độ chuyên môn tốt nhằm xử lý các thông tin tài chính và phi tài chính giúp nhà quản trị đưa ra quyết định chính xác cho DN.

Giả thuyết 3: Nhân tố trình độ đội ngũ nhân viên KTQT có tác động thuận chiều đến KTQT doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong DN.

Nhân tố bên ngoài:

(1) Nhân tố hệ thống văn bản về chính sách, pháp luật của từng quốc gia, (2) Nhân tố môi trường cạnh tranh.

- Nhân tố hệ thống văn bản về chính sách, pháp luật của từng quốc gia:

Hướng dẫn có tính pháp lý ảnh hưởng mạnh nhất đến chất lượng tổ chức công tác kế toán tại DN. Các DN nói chung là tế bào của nền kinh tế đất nước, chịu sự chi phối của hệ thống pháp luật và sự điều phối về cơ chế quản lý của quốc gia mà DN đang hoạt động [8]. Điều này có nghĩa tại các DN ở Việt Nam sẽ căn cứ theo: Luật Kế toán; nghị định; thông tư; chuẩn mực; chế độ hướng dẫn áp dụng KTQT trong DN. Nếu như trong kế toán tài chính thì các quy định cần chi tiết cụ thể và nó tạo ra hành lang pháp lý yêu cầu DN bắt buộc thực hiện. Thì ngược lại đối với KTQT yêu cầu các DN vận dụng nội dung phù hợp với từng loại hình DN. Bởi vì thông tin KTQT nói chung và thông tin KTQT doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh nói riêng cung

cấp nhằm phục vụ cho nhà quản trị DN, nên phụ thuộc rất nhiều vào quy mô, đặc điểm hoạt động kinh doanh của mỗi DN và trình độ quản lý, yêu cầu của nhà quản trị trong việc đưa ra quyết định.

Như vậy, nhân tố hệ thống văn bản về chính sách, pháp luật của từng quốc gia là một trong những nhân tố ảnh hưởng đến KTQT trong DN tại Việt Nam. DN hoạt động cần tuân thủ các quy định pháp lý của nhà nước.

Giả thuyết 4: Nhân tố hệ thống văn bản về chính sách, pháp luật của từng quốc gia có tác động thuận chiều đến KTQT doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong DN.

- Nhân tố môi trường cạnh tranh:

Nhân tố cạnh tranh là một trong những nhân tố các nhà nghiên cứu rất quan tâm. Nhân tố cạnh tranh quyết định đến việc vận dụng KTQT trong DN [4]. Sự gia tăng cường độ cạnh tranh trên thị trường gắn liền với sự gia tăng quản lý sử dụng thông tin KTQT [14]. Điều này có nghĩa môi trường cạnh tranh tác động đến vận dụng sử dụng thông tin trong KTQT tại DN. DN luôn phải hoạt động hiệu quả nhằm hướng tới khả năng sinh tồn trong môi trường cạnh tranh khắc nghiệt. DN không đạt được hiệu suất cao khi không có cạnh tranh [13]. Sự gia tăng cạnh tranh và tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm sẽ khiến cho DN sẽ phải sử dụng nhiều kỹ thuật KTQT hơn. Hay nói cách khác có mối liên hệ chặt chẽ giữa nhân tố mức độ cạnh tranh của thị trường và việc vận dụng KTQT vào các DN [12]. Với nguồn lực càng khan hiếm như hiện nay thì DN sẽ hoạt động trong môi trường cạnh tranh ngày càng cao, đòi hỏi DN phải phân bổ lại nguồn lực và sử dụng hợp lý các nguồn lực đang có như không ngừng đa dạng hóa sản phẩm, hoàn thiện phân phối, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ cho khách hàng, chính sách giá cả hợp lý [6]. Những DN có mục tiêu phát triển dài hạn với quy mô mở rộng, hoạt động trong nhiều lĩnh vực ngành nghề, tham gia trong một thị trường có nhiều sự cạnh tranh thì KTQT của DN đó có xu hướng áp dụng những nội dung mới, tiên tiến, đảm bảo có thể cung cấp được những thông tin dài hạn, kiểm soát được hoạt động trên phạm vi rộng, đo lường được hiệu quả tổng thể và giúp DN nâng cao sự cạnh tranh [18].

Như vậy, trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam hiện nay nhân tố môi trường cạnh tranh là một trong những nhân tố quan trọng góp phần làm tăng năng lực cạnh tranh và ảnh hưởng đến việc vận dụng KTQT trong DN khi mà nhà quản trị cần sử dụng thông tin chính xác và kịp thời nhằm đưa ra quyết định kinh doanh cho DN trên thị trường.

Giả thuyết 5: Nhân tố môi trường cạnh tranh có tác động thuận chiều đến KTQT doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong DN.

Kết luận: Qua phân tích ở trên theo nhóm tác giả có nhóm 05 nhân tố tác động đến công tác vận dụng KTQT trong DN tại Việt Nam, đó là nhóm nhân tố bên trong và bên ngoài trong DN.

Tiêu chí đánh giá nội dung KTQT doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh là:

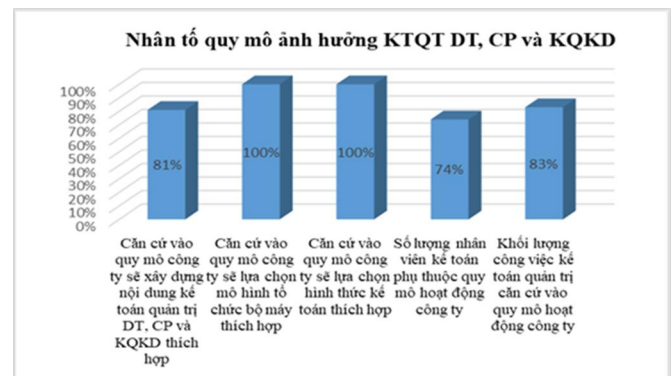
Xây dựng định mức; Lập dự toán; Quản trị chi phí thông qua các phương pháp chi phí; Xây dựng trung tâm trách nhiệm; Phân tích mối quan hệ chi phí - khối lượng - lợi nhuận; Lập báo cáo quản trị

Trong phạm vi nghiên cứu, nhóm tác giả dừng lại ở việc tổng hợp các nhân tố tác động đến KTQT doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh. Nhóm tác giả không đi nghiên cứu mô hình và phân tích mối quan hệ của các nhân tố bằng phương pháp nghiên cứu định lượng.

4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

4.1. Đánh giá DN về sự ảnh hưởng của các nhân tố đến KTQT doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh

- Nhân tố quy mô DN:



Hình 2. Nhân tố quy mô ảnh hưởng đến KTQT doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh

Thực trạng kết quả khảo sát về nhân tố quy mô ảnh hưởng đến KTQT doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các công ty điện lực phía Bắc Việt Nam trên hình 2 cho thấy:

(1) Qua kết quả khảo sát, nhóm tác giả thấy 100% các ý kiến cho rằng căn cứ vào quy mô công ty sẽ lựa chọn mô hình tổ chức bộ máy thích hợp và sẽ lựa chọn hình thức kế toán cho phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh và tối đa hóa lợi nhuận. Lựa chọn mô hình và hình thức tổ chức bộ máy kế toán khoa học, hợp lý sẽ làm giảm bớt khối lượng công việc kế toán, tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

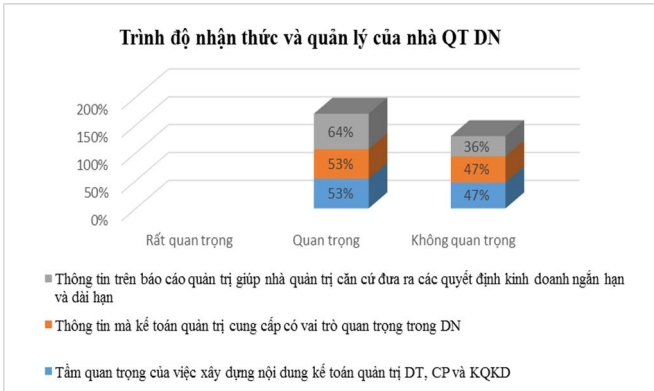
(2) Với tỷ lệ 81% các ý kiến đồng ý căn cứ vào quy mô công ty sẽ tiến hành xây dựng nội dung các phần hành kế toán về KTQT doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh thích hợp.

(3) Với tỷ lệ lần lượt là 74% và 83% các ý kiến đồng ý cũng đưa ra căn cứ vào quy mô công ty sẽ có lượng nhân viên kế toán và khối lượng công việc kế toán phù hợp. Với các ý kiến không cùng nhận định trên, nhóm tác giả tiến hành đi phỏng vấn sâu được biết đối với các phần hành kế toán không chỉ căn cứ vào quy mô hoạt động công ty mà còn căn cứ vào lĩnh vực hoạt động công ty. Đối với số lượng nhân viên kế toán cũng không chỉ căn cứ vào quy mô hoạt động mà còn căn cứ vào loại hình và địa bàn kinh doanh. Đối với công ty điện lực địa bàn kinh doanh trải khắp cả nước, địa bàn phức tạp những địa bàn vùng sâu vùng xa cũng ảnh hưởng không nhỏ đến quy mô hoạt động công ty.

Như vậy, nhân tố quy mô có quan hệ tỷ lệ thuận với việc vận dụng xây dựng về nội dung KTQT trong DN điện lực.

Với quy mô về đội ngũ toàn bộ cán bộ công nhân viên của các đơn vị điện lực trên 6.000 cán bộ và vốn điều lệ trên 4.000 tỷ đồng của các công ty điện thì nhân tố quy mô có ảnh hưởng lớn trong việc vận hành KTQT tại đơn vị điện. Quy mô công ty càng lớn thì hiệu quả về xây dựng KTQT càng cao và ngược lại.

- Nhân tố trình độ nhận thức và quản lý của nhà quản trị DN (hình 3):



Hình 3. Nhân tố trình độ nhận thức và quản lý của nhà quản trị DN ảnh hưởng đến KTQT doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh

(1) Với kết quả khảo sát lần lượt là 53%, 47% ý kiến cho rằng quan trọng và không quan trọng trong việc xây dựng nội dung KTQT doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty. Nhóm tác giả tiến hành phỏng vấn sâu với các ý kiến cho rằng không quan trọng thì kết quả cho thấy các ý kiến cho rằng vai trò kế toán trong kế toán tài chính mới là quan trọng.

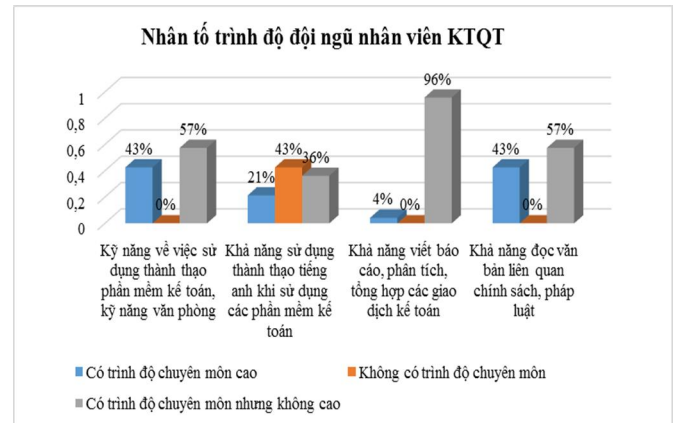
(2) Nhóm tác giả thấy rằng thông tin mà KTQT cung cấp có vai trò quan trọng trong KTQT doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh. Tuy nhiên với kết quả khảo sát thực tế tại các tổng công ty điện thì có 53% ý kiến cho rằng quan trọng và 47% ý kiến cho rằng không quan trọng. Nhóm tác giả đi tiến hành phỏng vấn sâu với các ý kiến cho rằng không quan trọng thì các ý kiến đều cho rằng thông tin mà KTQT cung cấp có vai trò quan trọng trong các đơn vị điện dưới góc độ về kế toán tài chính về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh.

(3) Với kết quả khảo sát là 64% ý kiến cho rằng là quan trọng khi sử dụng thông tin trên báo cáo quản trị để nhà quản trị căn cứ đưa ra các quyết định kinh doanh ngắn hạn và dài hạn. Ngược lại với kết quả khảo sát trên với mức khảo sát là 36% ý kiến cho rằng không quan trọng. Nhóm tác giả tiến hành phỏng vấn sâu thì hầu hết các ý kiến cho rằng việc ra quyết định ngắn hạn và dài hạn sẽ căn cứ vào thông tin trên báo cáo tài chính theo quý, năm và giữa các năm tài chính với nhau.

Như vậy, hiện nay đối với các đơn vị điện được khảo sát đều quan tâm thông tin dưới góc độ kế toán tài chính hơn là góc độ KTQT. Hay nói cách khác, nhân tố trình độ nhận thức và quản lý của nhà quản trị trong DN điện có ảnh hưởng nhiều đến nội dung về kế toán. Cụ thể, nhà quản trị trong các đơn vị điện đang rất chú trọng thông tin mà kế

toán tài chính cung cấp, mà chưa quan tâm nhiều thông tin mà KTQT nói chung và KTQT về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh nói riêng cung cấp.

- Nhân tố trình độ đội ngũ nhân viên KTQT:



Hình 4. Nhân tố trình độ đội ngũ nhân viên KTQT ảnh hưởng đến KTQT doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh

Thực trạng kết quả khảo sát về trình độ đội ngũ của nhân viên KTQT ảnh hưởng đến KTQT doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong các công ty điện lực phía Bắc Việt Nam trên hình 4 cho thấy:

(1) Việc sử dụng thành thạo về các phần mềm kế toán, kỹ năng văn phòng của bộ phận KTQT doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh là một trong những kỹ năng phản ánh trình độ chuyên môn của đội ngũ kế toán. Nếu kỹ năng tốt sẽ giúp cho công ty tiết kiệm thời gian, nâng cao chất lượng công việc. Kết quả khảo sát cho thấy có 43% có trình độ chuyên môn cao, 57% có trình độ chuyên môn nhưng không cao của công ty đáp ứng yêu cầu này.

(2) Với xu thế hội nhập hiện nay tiếng Anh là ngôn ngữ của khoa học. Kết quả khảo sát cho thấy lần lượt có 21%, 43% và 36% trình độ đội ngũ nhân viên KTQT doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh có trình độ chuyên môn cao, không có trình độ chuyên môn và có trình độ chuyên môn nhưng không cao trong việc sử dụng thành thạo tiếng Anh ở các phần mềm kế toán. Tại các đơn vị điện có các phần mềm sử dụng như Oracle, Amis đều bằng tiếng Anh. Vì thế đối với các kế toán viên không có trình độ chuyên môn tiếng Anh sẽ không đạt hiệu quả cao trong công việc làm cho công ty lãng phí chi phí đào tạo hàng năm.

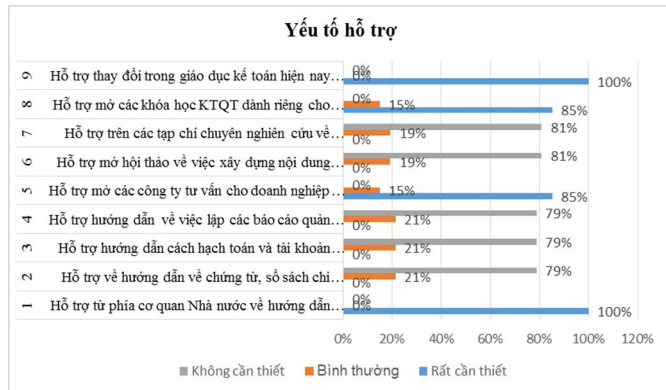
(3) Khả năng về viết báo cáo, phân tích, tổng hợp các giao dịch kế toán là một trong những kỹ năng cần có của người làm kế toán. Kết quả khảo sát chỉ ra rằng lần lượt có 4% và 96% người làm kế toán có trình độ chuyên môn cao và có trình độ chuyên môn nhưng không cao trong việc viết báo cáo, phân tích và tổng hợp báo cáo về các giao dịch kế toán trong công ty.

(4) Khả năng đọc văn bản liên quan đến chính sách, pháp luật phản ánh trình độ đội ngũ nhân viên kế toán trong công ty. Bởi tất cả các giao dịch kế toán đều liên quan đến các chính sách pháp luật. Công ty hoạt động tốt khi đó cần có đội ngũ làm đúng quy trình, tránh sai phạm xảy ra.

Kết quả khảo sát trình độ đội ngũ kế toán chỉ ra lần lượt có 43% và 57% người làm kế toán có trình độ chuyên môn cao và có trình độ chuyên môn nhưng không cao.

Như vậy, nhân tố trình độ đội ngũ nhân viên KTQT có quan hệ tỷ lệ thuận với bộ phận KTQT doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong DN. Trình độ đội ngũ cán bộ kế toán cao thì kết quả làm việc, hiệu quả công tác về KTQT doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh cao và ngược lại.

- Nhân tố về yếu tố hỗ trợ: Hội thảo trao đổi về KTQT, văn bản về chính sách, pháp luật...



Hình 5. Nhân tố yếu tố hỗ trợ ảnh hưởng đến KTQT doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh

Thực trạng kết quả khảo sát về yếu tố hỗ trợ mức độ cần thiết ảnh hưởng đến KTQT doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong các công ty điện lực phía Bắc Việt Nam trên hình 5 cho thấy:

(1) Kết quả khảo sát chỉ ra 100% ý kiến cho rằng là rất cần thiết nếu được: “Hỗ trợ từ phía cơ quan Nhà nước về hướng dẫn xây dựng KTQT vào DN” và “Hỗ trợ thay đổi trong giáo dục kế toán hiện nay để giúp người học có thể vận dụng xây dựng KTQT vào thực tiễn DN tốt hơn” tại các đơn vị điện lực phía Bắc Việt Nam. Điều này thể hiện các công ty điện lực đang rất cần các yếu tố hỗ trợ để công ty xây dựng nội dung chi tiết hơn về KTQT doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh.

(2) Theo sau đó với kết quả khảo sát chỉ ra 85% ý kiến người được hỏi cho rằng là rất cần thiết nếu được: “Hỗ trợ mở các công ty tư vấn cho DN về nội dung KTQT” và “Hỗ trợ mở các khóa học KTQT dành riêng cho nhà quản lý”. Bởi đây là nhân tố đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao khả năng vận dụng KTQT vào thực tiễn.

(3) Với kết quả khảo sát lần lượt là 21%, 79% các ý kiến cho rằng bình thường và không cần thiết với các yếu tố hỗ trợ về: “Hỗ trợ về hướng dẫn về chứng từ, sổ sách chi tiết đầy đủ cho công ty thực hiện”, “Hỗ trợ hướng dẫn cách hạch toán và tài khoản sử dụng phù hợp với đặc điểm của từng loại hình DN” và “Hỗ trợ hướng dẫn về việc lập các báo cáo quản trị phù hợp với đặc điểm từng loại hình DN”. Đa số các ý kiến cho rằng không cần thiết bởi lẽ khác với kế toán tài chính thì KTQT cung cấp phục vụ chủ yếu nội bộ DN. Vì thế các doanh nghiệp tự thiết kế chứng từ, sổ sách, báo cáo phù hợp từng loại hình DN.

[4] Với kết quả khảo sát lần lượt là 19%, 81% các ý kiến cho rằng bình thường và không cần thiết với các yếu tố hỗ trợ về: “Hỗ trợ mở hội thảo về việc áp dụng KTQT vào thực tiễn” và “Hỗ trợ trên các tạp chí chuyên nghiên cứu về KTQT và ứng dụng của KTQT vào thực tiễn”. Nhóm tác giả đi tiến hành phỏng vấn sâu các ý kiến cho rằng không cần thiết thì kết quả là người được hỏi không đánh giá cao việc mở các hội thảo, hay trên các tạp chí vì thời gian diễn ra hội thảo không dài, các tạp chí chuyên sâu về KTQT tại Việt Nam không nhiều vì thế điều chỉ mang tính chất trao đổi là chính.

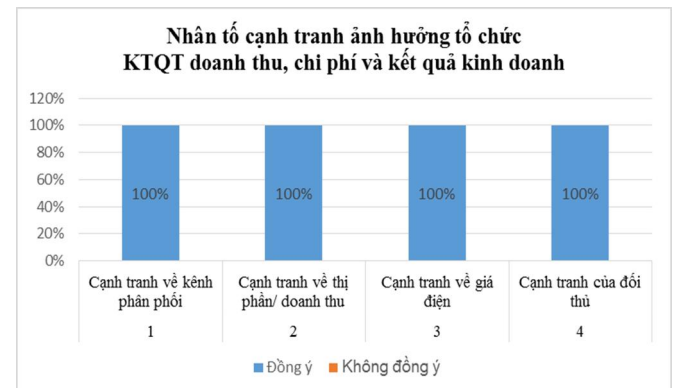
Như vậy, nhân tố về yếu tố hỗ trợ: Hội thảo trao đổi về nội dung KTQT, văn bản về chính sách, pháp luật... là một trong những nhân tố quan trọng trong việc xây dựng KTQT doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại các công ty điện lực phía Bắc Việt Nam khi mà các đơn vị điện lực này đều quy mô lớn, có nhiều chi nhánh, nhiều bộ phận, phòng ban.

- Nhân tố môi trường cạnh tranh:

Đối với các công ty điện lực trong giai đoạn tới thì mức độ cạnh tranh ngày càng khốc liệt đến từ cuộc đua thị trường bán lẻ hay thị trường bán buôn điện cạnh tranh. Theo như các nghiên cứu đã chỉ ra và đo lường các mức độ của các hành động cạnh tranh như: Cạnh tranh về kênh phân phối, cạnh tranh về thị phần/ doanh thu, cạnh tranh về giá tại Malaysia [19]. Điều này phù hợp với môi trường cạnh tranh tại Việt Nam [12] và nhóm tác giả cũng đồng tình và không bổ sung ý kiến nào.

Kết quả khảo sát mà nhóm tác giả thu thập được như hình 6, 100% các ý kiến được hỏi đều cho rằng nhân tố cạnh tranh có ảnh hưởng đến KTQT doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong các đơn vị kinh doanh điện khi thị trường bán lẻ, bán buôn điện cạnh tranh đi vào vận hành trong thời gian tới.

Như vậy, nhân tố cạnh tranh tác động thuận chiều đến KTQT doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại các công ty điện lực phía Bắc Việt Nam.



Hình 6. Nhân tố cạnh tranh ảnh hưởng đến KTQT doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh

4.2. Giải pháp đề xuất

Từ kết quả nghiên cứu thực trạng trên, nhóm tác giả đề xuất giải pháp dựa trên các tác động của các nhân tố: (1) Nhân tố quy mô DN, (2) Nhân tố trình độ nhận thức và

quản lý của nhà quản trị DN, (3) Nhân tố trình độ đội ngũ nhân viên KTQT, (4) Nhân tố hệ thống văn bản về chính sách, pháp luật của từng quốc gia..., (5) Nhân tố môi trường cạnh tranh.

Thứ nhất: Về phía Nhà nước cần quảng bá rộng vai trò của KTQT doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp. Để quảng bá sâu rộng sự quan trọng của KTQT theo tác giả nhà nước cần tổ chức các cuộc tuyên truyền rộng rãi giúp nhà quản trị trong các DN, công ty nói chung, của công ty điện lực phía Bắc Việt Nam hiểu được sự quan trọng tầm nhìn nhà chiến lược như thế nào, qua đó nhằm nâng cao sự quan trọng của công tác KTQT doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong DN.

Thứ hai: Về phía Bộ Công Thương và Tập đoàn Điện lực Việt Nam phải cần đẩy mạnh nhằm phát triển thị trường điện cạnh tranh theo đúng Quyết định số 26/2006/QĐ-TTG đã phê duyệt lộ trình, các điều kiện hình thành và phát triển các cấp độ thị trường điện lực tại Việt Nam. Ngoài ra, Tập đoàn Điện lực Việt Nam cần phải tổ chức sắp xếp bộ máy các tổng công ty phân phối điện để tham gia cạnh tranh bình đẳng với các DN khác trên thị trường bán lẻ điện cạnh tranh bắt đầu từ năm 2021 và chính thức từ năm 2023.

Thứ ba: Nâng cao trình độ nhận thức và quản lý của nhà quản trị trong DN điện: Nhà quản trị DN không chỉ chú trọng thông tin do bộ phận kế toán tài chính cung cấp mà cần chú trọng hơn nữa thông tin trên báo cáo quản trị cung cấp. Bởi báo cáo quản trị giúp nhà quản trị ra quyết định ngắn hạn và dài hạn. Bên cạnh đó, nhà quản trị cần quan tâm sâu rộng và có tầm hiểu biết về công tác KTQT. Để đưa ra quyết định mang tính ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế nhà quản trị cần phải hiểu sâu về KTQT, thông tin nào cần đưa vào, thông tin nào loại bỏ trong quá trình ra quyết định, hay thông tin nào ảnh hưởng lớn đến giá bán điện, ảnh hưởng đến lợi nhuận, ảnh hưởng kinh doanh của DN..., hay tầm nhìn chiến lược, kế hoạch rồi sự phát triển công ty đều liên quan đến sự hiểu biết sâu về KTQT vì thế đây được xem là vấn đề quan trọng và cốt lõi giúp công ty phát triển.

Thứ tư: Nâng cao trình độ đội ngũ nhân viên KTQT: Cần nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ KTQT trong DN. Bởi hiện nay trình độ chuyên môn đội ngũ KTQT trong doanh nghiệp điện còn nhiều nhân viên có trình độ chuyên môn nhưng không cao. Vì thế, cần tham gia vào các lớp tổ chức đào tạo về KTQT, tích cực tìm hiểu học hỏi các về KTQT trên các phương tiện đại chúng, hay các tạp chí kế toán... Mặt khác, DN điện cần nhận thức rõ về vai trò của KTQT. Hiện nay, tại các đơn vị điện lực đang tổ chức phân công, phân nhiệm công việc kế toán tài chính kết hợp với KTQT. Vì thế, cần nhận thức và tác riêng vị trí của hai bộ phận này nhằm tối ưu hóa chức năng của hai bộ phận này trong DN. Vai trò của KTQT phải được ghi rõ và riêng biệt dành riêng cho các vị trí được chỉ định khi nhu cầu kinh doanh đang phát triển. Vì thế cần nâng cao tầm hiểu biết cho nhân viên KTQT. Để nâng cao tầm hiểu biết về KTQT thì các tổng công ty cần đầu tư một khoản chi phí nhằm phát

triển, hỗ trợ nền tảng kiến thức cho nhân viên kế toán về sự hiểu biết KTQT. Bởi song song sự phát triển của công ty thì đi liền sự phát triển của nhân sự. Nhân sự kế toán giỏi sẽ giúp nhà quản trị các cấp đưa ra thông tin vừa chính xác lại vừa kịp thời.

Thứ năm: Về hệ thống văn bản về chính sách, pháp luật của từng quốc gia...: Tổ chức nghề nghiệp kế toán nên đóng một vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy KTQT. Các tổ chức này nên hướng cho DN nhận biết rõ ranh giới chức năng KTQT và kế toán tài chính. Các tổ chức kế toán chuyên nghiệp cần tích cực tham gia trong việc thúc đẩy vai trò này như một vai trò đa ngành, không chỉ tập trung vào quan điểm kế toán.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Abdel-Kader, M., & Luther, R., 2008. *The impact of firm characteristics on management accounting practices: A UK-based empirical analysis*. The British Accounting Review, 40(1), 2-27.
- [2]. Alleyne, P., & Weekes-Marshall, D., 2011. *An exploratory study of management accounting practices in manufacturing companies in Barbados*. International Journal of Business and Social Science, 2(9).
- [3]. Amara, T., & Benelifa, S., 2017. *The impact of external and internal factors on the management accounting practices*. International Journal of Finance and Accounting, 6(2), 46-58.
- [4]. Anderson, S. W., & Lanen, W. N., 1999. *Economic transition, strategy and the evolution of management accounting practices: the case of India*. Accounting, Organizations and Society, 24(5-6), 379-412.
- [5]. Chenhall, R. H., 2006. *Theorizing contingencies in management control systems research*. Handbooks of management accounting research, 1, 163-205.
- [6]. Đoàn Ngọc Phi Anh, N. T. S., 2018. *Nghiên cứu mức độ vận dụng kế toán quản trị trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Đà Nẵng*. Tạp chí KH&CN, Đại học Công nghiệp Hà Nội.
- [7]. Erserim, A., 2012. *The impacts of organizational culture, firm's characteristics and external environment of firms on management accounting practices: an empirical research on industrial firms in Turkey*. Procedia-Social and Behavioral Sciences, 62, 372-376.
- [8]. Hà, Đ. N., 2019. *Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tại các công ty cổ phần tư vấn thiết kế của Việt Nam*. Học viện Tài chính,
- [9]. Hà, Đ. T., 2015. *Hoàn thiện kế toán quản trị chi phí trong các doanh nghiệp sản xuất thép ở Việt Nam*. Đại học Kinh tế Quốc dân,
- [10]. Haldma, T., & Lääts, K., 2002. *Contingencies influencing the management accounting practices of Estonian manufacturing companies*. Management accounting research, 13(4), 379-400.
- [11]. Hạnh, H. M., 2013. *Tổ chức hệ thống thông tin quản trị chi phí trong các doanh nghiệp may Việt Nam*. Đại học Kinh tế Quốc dân,
- [12]. Hùng, T. N., 2016. *Các nhân tố tác động đến việc vận dụng kế toán quản trị trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam*. Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh,
- [13]. Laitinen, E. K., 2001. *Management accounting change in small technology companies: towards a mathematical model of the technology firm*. Management accounting research, 12(4), 507-541.

[14]. Mia, L., & Clarke, B., 1999. *Market competition, management accounting systems and business unit performance*. *Management accounting research*, 10(2), 137-158.

[15]. Ngô Văn Lượng, 2019. *Hoàn thiện tổ chức kế toán quản trị chi phí trong các doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu ở Việt Nam*. Luận án Tiến sĩ, Học viện Tài chính.

[16]. Shahzadi, S., Khan, R., Toor, M., & ul Haq, A., 2018. *Impact of external and internal factors on management accounting practices: a study of Pakistan*. *Asian Journal of Accounting Research*.

[17]. Subasinghe, J., & Fonseka, A., 2009. *Factors affecting the low adoption of management accounting practices in Sri Lankan business organizations*. *Sri Lankan Journal of Management*, 14(2), 95-114.

[18]. Thành, N. M., 2017. *Hoàn thiện kế toán quản trị tại các đơn vị thuộc tổng công ty điện lực dầu khí Việt Nam*. Học viện Tài chính.

[19]. Tuan Mat, T., 2010. *Management accounting and organizational change: impact of alignment of management accounting system, structure and strategy on performance*.

[20]. Vũ Mạnh Chiến, N. T. T., 2016. *Factors affecting the implementation of management accounting in Vietnam manufacturing firms*. Factors affecting the implementation of management accounting in Vietnam manufacturing firms.

[21]. Birnberg J. G., Luft J., Shields M. D., 2007. *Psychology theory in management accounting research*. In C. S. Chapman, A. G. Hopwood, & M. D. Shields (Eds.), *Handbook of management accounting research* (Vol. 1, pp. 113–135). Amsterdam: Elsevier.

[22]. Mock T., Estrin T., Vasarhelyi, M., 1972. *Learning Patterns, Decision Approach and Value of Information*. *Journal of Accounting Research* (Spring), pp. 129-153.

[23]. Libby T., Waterhouse J., 1996. *Predicting change in management accounting systems*. *Journal of Management Accounting Research*, 8(1), 137–150.

[24]. Neale G. O'Connor, Chee W. Chow, Anne Wu, 2004. *The adoption of "Western" management accounting/controls in China's state-owned enterprises during economic transition*. *Accounting, Organizations and Society* 29, 349–375.

[25]. Williams, J. J., and Seaman, A. E., 2001. *Predicting Change in Management Accounting Systems: National Culture and Industry Effects*. *Accounting, Organizations and Society*, 26(4-5): 443-460.

AUTHORS INFORMATION

Tran Thi Nga, Dang Thi Hong Ha, Nguyen Thu Hien

Hanoi University of Industry